

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mức nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/5 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-40cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước xuống chậm, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/5 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/5 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-20cm và cao hơn TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại trạm Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 04/5 tại trạm Xẻo Rô ở mức 56cm, cao hơn 4cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất có khả năng lên nhanh do ảnh hưởng của mưa nội vùng trong ngày 05-07/5, sau xuống chậm.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm theo xu thế triều biển Tây đến ngày 06/5, sau xuống chậm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 06/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với 03/05	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo							
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	04/5					05/5	06/5	07/5	08/5	09/5			
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	127	0	▶	14	▲	34	▲	125	122	118	112	106
					Hmin	-25	-5	▼	11	▲	-12	▼	-24	-29	-34	-40	-46
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	135	0	▶	15	▲	41	▲	134	132	128	123	116
					Hmin	-39	-4	▼	10	▲	0	▶	-37	-42	-47	-53	-59
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	110	-1	▼	-2	▼	16	▲	111	109	107	105	103
					Hmin	32	-1	▼	18	▲	14	▲	33	31	29	27	25
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	140	-1	▼	10	▲	41	▲	138	136	132	127	121
					Hmin	-41	-14	▼	-5	▼	-21	▼	-29	-34	-39	-45	-51
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	151	-1	▼	18	▲	52	▲	150	148	144	139	133
					Hmin	-36	-2	▼	9	▲	14	▲	-34	-39	-44	-50	-56
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	135	-3	▼	11	▲	38	▲	133	131	127	122	116
					Hmin	-36	-3	▼	10	▲	-5	▼	-35	-40	-45	-51	-57
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	26	4	▲	-22	▼	-2	▼	28	33	34	33	32
					Hmin	-4	0	▶	-22	▼	-8	▼	-1	2	5	4	3
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	15	5	▲	-24	▼	-7	▼	17	22	23	22	21
					Hmin	5	3	▲	-25	▼	-14	▼	8	11	14	13	12
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	23	3	▲	-23	▼	-17	▼	25	30	31	30	29
					Hmin	15	2	▲	-23	▼	-17	▼	18	21	24	23	22
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	25	6	▲	-23	▼	-12	▼	27	32	33	32	31
					Hmin	16	2	▲	-24	▼	-14	▼	19	22	25	24	23
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	31	2	▲	-24	▼	-11	▼	33	38	39	38	37
					Hmin	23	1	▲	-22	▼	-12	▼	26	29	32	31	30
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	32	3	▲	-26	▼	2	▲	36	41	42	41	39
					Hmin	3	1	▲	-19	▼	-3	▼	7	9	12	11	10
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	45	3	▲	-24	▼	14	▲	49	54	55	54	52
					Hmin	31	2	▲	-14	▼	12	▲	35	37	40	39	38
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	41	3	▲	-16	▼	0	▶	45	50	51	50	48
					Hmin	28	2	▲	-15	▼	-3	▼	32	34	37	36	35
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	31	4	▲	-7	▼	15	▲	34	39	40	39	38
					Hmin	20	0	▶	-3	▼	10	▲	22	24	27	26	25
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	65	3	▲	-19	▼	18	▲	68	73	74	73	72
					Hmin	47	0	▶	-11	▼	17	▲	49	51	54	53	52
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	96	3	▲	-14	▼	32	▲	99	104	105	104	103
					Hmin	44	0	▶	-7	▼	15	▲	46	48	51	50	49
Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	65	2	▲	-15	▼	13	▲	68	73	74	73	72
					Hmin	37	1	▲	-8	▼	6	▲	39	41	44	43	42
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	47	2	▲	-20	▼	0	▶	50	55	56	55	54
					Hmin	35	2	▲	-5	▼	6	▲	37	39	42	41	40
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	34	3	▲	-15	▼	4	▲	37	42	43	42	41
					Hmin	26	4	▲	-4	▼	15	▲	28	30	33	32	31

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	15	4	▲	-15	▼	-12	▼	17	19	21	19	17
					Hmin	-11	-15	▼	-6	▼	16	▲	-10	-9	-8	-9	-10
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	56	4	▲	13	▲	22	▲	59	65	64	62	57
					Hmin	-37	-2	▼	2	▲	0	◀▶	-39	-38	-35	-32	-28

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





